



## QUYỀN LỰC VÀ SỰ TƯƠNG THUỘC TRONG KỶ NGUYÊN THÔNG TIN

**Nguồn:** Robert O. Keohane & Joseph S. Nye (1998). "Power and Interdependence in the Information Age", *Foreign Affairs*, Vol. 77, No. 5 (Sep. - Oct.), pp. 81-94.

**Biên dịch:** Vũ Thị Thu | **Hiệu đính:** Nguyễn Hoàng Mỹ Phương

### Sự bên bỉ của các quốc gia

Trong suốt thế kỷ 20, những người theo trường phái hiện đại chủ nghĩa cho rằng công nghệ sẽ làm biến đổi chính trị thế giới. Năm 1910, Norman Angell từng khẳng định sự tương thuộc kinh tế sẽ làm cho chiến tranh trở thành điều phi lý và hướng tới viễn cảnh mà những cuộc chiến này chỉ còn là dĩ vãng. Các nhà theo tư tưởng hiện đại, vào những năm 1970, đã nhận thấy nhờ vào viễn thông và di chuyển bằng máy bay mà một ngôi làng toàn cầu đã được tạo ra, và tin rằng hình thức nhà nước dựa trên lãnh thổ vốn thống trị nền chính trị thế giới từ thời phong kiến đang bị lu mờ bởi các nhân tố không giới hạn lãnh thổ như những tập đoàn đa quốc gia, các phong trào xã hội xuyên quốc gia và các tổ chức quốc tế. Cùng quan điểm ấy, nhiều nhà tư tưởng tiên phong như Peter Drucker, Alvin và Heidi Toffler và Esther Dyson tranh luận rằng cách mạng thông tin hiện nay đang chấm dứt hệ thống hành chính mang tính cấp bậc và đang dẫn đến một chế độ phong kiến điện tử mới với các cộng đồng và chính quyền đan xen nhau cùng đòi sở hữu bản sắc và lòng trung thành của nhiều tầng lớp công dân khác nhau.

Các nhà tư tưởng theo trường phái hiện đại của nhiều thế hệ trước phần nào đã đúng. Hiểu biết của Angell về tác động của chiến tranh đối với sự phụ thuộc lẫn nhau thật sâu sắc: Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất không chỉ gây ra sự tàn phá

chưa từng có ở chiến trường mà còn ở cả các hệ thống chính trị - xã hội đã từng thịnh vượng trong những năm tương đối yên bình từ 1815. Đúng như dự đoán của các nhà theo trường phái hiện đại những năm 1970, các tập đoàn đa quốc gia, tổ chức phi chính phủ (NGOs), và thị trường tài chính toàn cầu ngày càng trở nên cực kỳ quan trọng. Nhưng nhà nước lại bền bỉ hơn so với dự đoán của những nhà theo chủ nghĩa hiện đại này. Nhà nước tiếp tục nắm giữ được lòng trung thành của phần đông người dân thế giới, và kiểm soát của chúng đối với các nguồn lực vật chất ở những quốc gia giàu có nhất nằm ở mức từ 1/3 đến một nửa GDP.

Những người theo trường phái hiện đại vào những năm 1910 và 1970 đã xác định đúng chiều hướng của sự thay đổi nhưng lại đơn giản hóa hệ quả của nó. Giống như các học giả về thời đại cách mạng thông tin, họ đi quá trực tiếp từ công nghệ sang hệ quả chính trị mà không cân nhắc thấu đáo về sự tiếp nối của các niềm tin, sự bền bỉ của các thể chế và các lựa chọn chiến lược mà các chính khách sẵn có. Họ không phân tích được làm cách nào mà những người nắm quyền có thể sử dụng quyền lực ấy để định hình hay bóp méo các hình thức tương thuộc đang cắt ngang biên giới quốc gia.

Khi phân tích chính trị của các vấn đề xuyên quốc gia như quan hệ thương mại, tiền tệ và chính sách đại dương trong cuốn sách *"Power and Interdependence"* (Quyền lực và sự tương thuộc) cách đây 20 năm (1977), chúng tôi có viết "các nhà tư tưởng theo trường phái hiện đại đã chỉ ra một cách đúng đắn những thay đổi cơ bản đang diễn ra, nhưng chưa có được sự phân tích đầy đủ khi khẳng định rằng những tiến bộ công nghệ và những gia tăng trong giao dịch xã hội và kinh tế sẽ dẫn tới một thế giới mới mà trong đó nhà nước và sự kiểm soát vũ lực của nó sẽ không còn quan trọng. Những người theo chủ nghĩa truyền thống đã sắc sảo khi chỉ ra những khiếm khuyết trong tầm nhìn của phe hiện đại bằng cách nêu ra sự phụ thuộc lẫn nhau về quân sự sẽ tiếp diễn như thế nào, nhưng cảm thấy khó khăn để giải thích được sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế, xã hội và sinh thái đa chiều hiện nay một cách xác đáng." Thực tế này vẫn đúng đối với thời đại thông tin khi mà không gian ảo tự thân nó là một "nơi", mọi nơi và không nơi nào cả.

Các học giả tiên phong trong thời đại thế giới ảo mới, cũng giống các nhà theo tư tưởng hiện đại trước đó, thường bỏ qua việc thế giới mới sẽ trùng lặp và dựa tới mức nào vào thế giới cũ nơi mà quyền lực phụ thuộc vào các thể chế xây dựng trên tiêu chí địa lý. Năm 1998, 100 triệu người dùng mạng Internet. Thậm chí nếu con số chạm mốc 1 tỷ vào năm 2005 như vài chuyên gia dự đoán, một tỉ lệ lớn cư dân thế giới vẫn không đụng đến Internet. Ngoài ra, toàn cầu hóa còn xa mới đến mức phổ quát toàn cầu. Ba phần tư dân số thế giới không sở hữu điện thoại,

và số người sở hữu modem và máy tính còn ít hơn nhiều. Sẽ rất cần các luật lệ để quản chế không gian mạng, không chỉ để bảo vệ những người sử dụng đúng luật khỏi tội phạm mà còn đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ. Các quy định đòi hỏi phải có thẩm quyền, bất kể là dưới hình thức nào – quản trị bởi chính quyền công, tư hay cộng đồng. Những vấn đề chính trị cố hữu - ai quản trị và quản trị theo điều kiện như thế nào - trong thế giới ảo hay thế giới thực cũng đều giống nhau.

## Những ngày đầu của cuộc cách mạng

Sự tương thuộc giữa các cộng đồng xã hội không phải là điều mới lạ. Cái mới đó là sự cắt giảm chi phí liên lạc đường dài nhờ cách mạng thông tin. Chi phí truyền tải thực tế là không đáng kể, vì vậy lượng thông tin có thể được truyền đi cơ bản là vô tận. Sức mạnh tính toán (của các bộ vi xử lý – NBT) tăng gấp đôi sau mỗi 18 tháng trong 30 năm qua. Chi phí hiện nay chưa bằng một phần trăm so với đầu những năm 1970. Tương tự vậy, Internet và các trang web cũng phát triển theo cấp số mũ. Lưu lượng Internet gấp đôi sau mỗi 100 ngày. Băng thông liên lạc mở rộng nhanh chóng và chi phí liên lạc ngày càng xuống thấp. Đến tận cuối năm 1980, những cuộc gọi qua dây cáp đồng chỉ truyền được 1 trang thông tin mỗi giây; mà ngày nay chỉ một sợi cáp quang mỏng đã có thể truyền được 90.000 tập sách trong một giây. Cũng như với máy hơi nước vào cuối thế kỷ 18 và điện vào cuối thế kỷ 19, tăng trưởng năng suất có độ trễ vì toàn xã hội đang phải học cách tận dụng công nghệ mới. Mặc dù các ngành công nghiệp và hãng kinh doanh đã tiến hành nhiều thay đổi cấu trúc từ những năm 1980 nhưng công cuộc đổi mới kinh tế còn lâu mới hoàn thành. Chúng ta vẫn ở trong giai đoạn đầu của cuộc cách mạng thông tin.

Cuộc cách mạng đó đã làm thay đổi nhanh chóng một đặc điểm mà chúng tôi đã miêu tả trong cuốn "*Power and Interdependence*" là "sự tương thuộc phức tạp" – một thế giới nơi mà an ninh và vũ lực ít quan trọng hơn và các quốc gia liên kết nhau bằng các mối quan hệ xã hội và chính trị đa tầng. Giờ đây, chỉ với một chiếc máy tính, ai cũng có thể trở thành một chủ báo trên máy tính, và bất kỳ ai với một modem cũng có thể giao tiếp với những vùng xa xôi trên thế giới với chi phí không đáng kể. Các dòng thông tin xuyên quốc gia trước đây bị kiểm soát nghiêm ngặt bởi những tổ chức lớn như công ty đa quốc gia hay Nhà thờ Thiên chúa. Những tổ chức này vẫn có vai trò quan trọng nhưng sự giảm giá mạnh mẽ trong truyền dẫn thông tin đã mở ra cánh cửa mới cho những tổ chức mạng lưới có tổ chức lỏng lẻo và thậm chí là cho các cá nhân. Những tổ chức phi chính phủ và mạng lưới này đặc biệt hiệu quả trong việc thâm nhập các nước bất kể biên giới

quốc gia và dùng cử tri trong nước để thúc ép các nhà lãnh đạo chính trị tập trung vào chương trình nghị sự mà họ mong muốn. Cuộc cách mạng thông tin đã làm tăng vọt số kênh liên lạc giữa các cộng đồng xã hội - một trong ba chiều hướng của sự tương thuộc phức tạp.

Tuy nhiên, cách mạng thông tin không mang đến những thay đổi rõ rệt cho hai điều kiện khác của sự tương thuộc phức tạp. Lực lượng vũ trang vẫn đóng vai trò quan trọng trong quan hệ các nước, và nói chung lại, an ninh vẫn là ưu tiên hàng đầu trong chính sách ngoại giao. Một lý do mà cách mạng thông tin chưa thể biến đổi chính trị thế giới thành một thể thức chính trị mới của sự tương thuộc phức tạp hoàn toàn là vì thông tin không lưu truyền trong chân không mà là trong không gian chính trị - nơi mà thông tin dĩ nhiên bị kiểm soát. Nguyên nhân nữa là vì ngoài vùng dân chủ hòa bình (tức các quốc gia dân chủ phát triển - NBT), thế giới của các nước không phải là thế giới của sự tương thuộc phức tạp. Nhiều nơi, giả định của chủ nghĩa hiện thực về sự thống trị của lực lượng vũ trang và các vấn đề an ninh vẫn nguyên giá trị. Trong vòng 4 thế kỷ qua, các quốc gia đã thiết lập cơ cấu chính trị mà trong đó thông tin được truyền xuyên biên giới. Thực tế, bản thân cách mạng thông tin chỉ có thể được hiểu trong hoàn cảnh toàn cầu hóa kinh tế thế giới vốn được chính sách của Mỹ và các tổ chức quốc tế thúc đẩy một cách có chủ ý trong vòng nửa thế kỷ sau khi kết thúc Chiến tranh Thế giới lần thứ hai. Vào cuối những năm 1940, Mỹ tìm cách tạo ra một nền kinh tế toàn cầu mở nhằm chặn đứng một cuộc suy thoái khác và ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản. Kết quả là, các thể chế quốc tế ra đời dựa trên các nguyên tắc đa phương dành quan tâm đặc biệt tới thị trường và thông tin và giảm nhẹ chạy đua quân sự. Các nước ngày càng phải chịu tổn kém nếu từ chối các dạng thức tương thuộc này.

Lượng thông tin sẵn có trong không gian ảo tự nó không có nghĩa gì mấy. Chất lượng và sự phân biệt giữa các loại thông tin khác nhau có lẽ quan trọng hơn. Thông tin không chỉ tồn tại, nó được tạo ra. Khi chúng ta cân nhắc các động cơ tạo ra thông tin thì có thể thấy rõ ràng ba loại thông tin khác nhau là nguồn của quyền lực.

*Thông tin tự do* là thông tin mà các chủ thể sẵn sàng tạo ra và truyền đi mà không cần tính chi phí. Lợi ích của người tạo thông tin chính là niềm tin của người nhận đối với thông tin đó và do vậy, càng có động cơ tạo ra thông tin. Động cơ có thể đa dạng khác nhau. Thông tin khoa học là một loại hàng hóa công, nhưng những thông điệp mang tính thuyết phục, như thông tin chính trị, mang nhiều lợi ích cá nhân hơn. Marketing, truyền hình/thanh và tuyên truyền đều là các ví dụ của

thông tin tự do. Sự bùng nổ về lượng thông tin tự do có lẽ là tác động mạnh mẽ nhất của cuộc cách mạng thông tin.

*Thông tin thương mại* là thông tin sẵn sàng được tạo ra và truyền đi có tính phí. Người truyền tin ngoài nhận được phần phí thì họ không nhận được hay mất mát gì từ việc người nhận tin tưởng thông tin. Để loại thông tin này có sẵn trên Internet thì cần phải đảm bảo vấn đề quyền sở hữu để những người tạo ra thông tin có thể được người sử dụng thông tin trả công. Tạo ra thông tin trước đối thủ cạnh tranh - cứ cho là quyền sở hữu trí tuệ được tuân thủ - có thể mang lại nguồn lợi nhuận khổng lồ, đặc biệt là với những người tiên phong, giống như lịch sử hãng Microsoft đã chứng minh. Sự phát triển nhanh chóng của thương mại điện tử và sự tăng cường cạnh tranh quốc tế sẽ là những hệ quả quan trọng khác của cách mạng thông tin.

*Thông tin chiến lược*, cũng lâu đời như hoạt động tình báo, mang ích lợi lớn cho người có được nó chỉ khi đối thủ của họ không sở hữu được nó. Một lợi thế vô cùng lớn đối với nước Mỹ trong Chiến tranh Thế giới lần thứ hai đó là Mỹ đã phá vỡ được mật mã của Nhật mà Tokyo không hề hay biết. Đối với thông tin loại này thì lượng không quan trọng. Thí dụ, thông tin chiến lược mà Mỹ nắm được về chương trình vũ khí hạt nhân ở Triều Tiên, Pakistan hay Iraq phụ thuộc nhiều vào những vệ tinh đáng tin hoặc các gián điệp hơn là vô khối những thư điện tử.

Cách mạng thông tin làm thay đổi dạng thức của mỗi tương thuộc phức tạp bằng sự tăng lên theo cấp số mũ các kênh thông tin liên lạc trong nền chính trị thế giới – giữa cá nhân trong mạng lưới, chứ không chỉ các cá thể trong hệ thống hành chính. Nhưng nó tồn tại trong bối cảnh cấu trúc chính trị hiện có, và ảnh hưởng của nó lên các loại thông tin khác nhau cũng rất đa dạng. Thông tin tự do sẽ tuôn chảy nhanh hơn mà không có quy định nào. Thông tin chiến lược sẽ được bảo vệ tối đa – ví dụ, bằng công nghệ mã hóa. Lưu lượng thông tin thương mại sẽ phụ thuộc vào việc quyền sở hữu tài sản có được thiết lập trong không gian ảo hay không. Chính trị sẽ tác động tới cách mạng thông tin và chịu tác động ngược lại tương đương.

## **Bản chất của quyền lực**

Tri thức là quyền lực, vậy quyền lực là gì? Có sự khác biệt cơ bản giữa quyền lực hành vi – hay khả năng đạt được kết quả mong muốn – và quyền lực nguồn lực – tức việc sở hữu các nguồn thường gắn liền với khả năng đạt được kết quả mong muốn. Quyền lực hành vi có thể được chia thành quyền lực cứng và quyền lực mềm. Quyền lực cứng là quyền lực có thể sai khiến người khác làm điều mà nếu

không họ sẽ miễn cưỡng không muốn làm, thông qua đe dọa hoặc thưởng. Dù là “củ cà rốt” kinh tế hay “cây gậy” quân sự, khả năng dụ dỗ hoặc ép buộc từ lâu đã trở thành yếu tố cốt lõi của quyền lực. Như chúng tôi đã chỉ ra cách đây hai thập niên, khả năng của bên ít bị tổn thương hơn trong việc thao túng hoặc thoát khỏi các ràng buộc của một mối quan hệ tương thuộc với chi phí thấp là một nguồn quan trọng của quyền lực. Tỉ dụ như, năm 1971 Mỹ chấm dứt việc chuyển đổi từ đồng đô la sang vàng và tăng sức ảnh hưởng của mình lên hệ thống tiền tệ thế giới. Vào năm 1973, các nước Ả Rập tạm thời đạt được quyền lực nhờ vào lệnh cấm vận dầu.

Mặt khác, quyền lực mềm là khả năng đạt được kết quả mong muốn bởi người khác cũng muốn điều mà bạn muốn. Đó là khả năng đạt được mục tiêu thông qua sự thu hút hơn là ép buộc. Quyền lực mềm hoạt động dựa trên việc thuyết phục người khác tuân theo hoặc khiến họ đồng ý với những quy chuẩn và thể chế giúp sản sinh ra các hành vi mong muốn. Quyền lực mềm có thể dựa trên sự lôi cuốn của những ý tưởng, văn hóa hay khả năng thiết lập nghị trình thông qua những chuẩn mực và thể chế hình thành nên sở thích của người khác. Nó phụ thuộc phần lớn vào tính thuyết phục của thông tin tự do mà người ta tìm cách truyền tải. Nếu một nước có khả năng làm cho quyền lực của mình mang tính hợp pháp trong mắt các nước khác và thành lập các thể chế quốc tế khuyến khích các nước khác xác định lợi ích của họ theo cách tương ứng, thì nước đó có thể sẽ không phải tốn quá nhiều chi phí cho các nguồn lực kinh tế hay quân sự truyền thống tốn kém.

Quyền lực cứng và quyền lực mềm có liên quan với nhau nhưng chúng không giống nhau. Nhà khoa học chính trị Samuel P. Huntington thật đúng khi phát biểu rằng sự thành công về vật chất sẽ tạo ra sức thu hút cho văn hóa và hệ tư tưởng, và sự thất bại về kinh tế và quân sự sẽ kéo theo sự tự nghi ngờ và khủng hoảng về bản sắc. Nhưng ông đã sai lầm khi cho rằng quyền lực mềm chủ yếu dựa trên nền tảng quyền lực cứng. Quyền lực mềm của Vatican không vì quy mô lãnh thổ chịu sự cai quản của Giáo hoàng bị thu hẹp mà suy giảm. Canada, Thụy Điển và Hà Lan có tầm ảnh hưởng lớn hơn so với các nước có cùng năng lực kinh tế và quân sự. Liên Xô có quyền lực mềm đáng kể ở châu Âu sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai nhưng lại lãng phí nó bằng việc xâm lược Hungary và Tiệp Khắc ngay cả khi sức mạnh kinh tế và quân sự vẫn ngày một vững mạnh. Quyền lực mềm thay đổi theo thời gian và lĩnh vực. Văn hóa đại chúng của Mỹ, cùng với những phong trào tự do và bình đẳng, thống trị phim ảnh, truyền hình và phương tiện truyền thông điện tử. Không phải mọi khía cạnh của nền văn hóa đó đều thu hút mọi người, chẳng hạn như những người Hồi giáo bảo thủ. Tuy thế, sự lan truyền thông



tin và nền văn hóa đại chúng Mỹ nhìn chung đang mở rộng nhận thức và sự cởi mở trên toàn cầu đối với tư tưởng và giá trị Mỹ. Trong chừng mực nào đó, điều này phản ánh các chính sách có chủ đích, nhưng quyền lực mềm thường được coi là một sản phẩm phụ không theo chủ ý sẵn có.

Cách mạng thông tin cũng đang ảnh hưởng tới quyền lực được đo lường về mặt nguồn lực hơn là hành vi. Trong hệ thống cân bằng quyền lực của châu Âu thế kỷ 18, lãnh thổ, dân số và nông nghiệp tạo nền tảng cho lực lượng bộ binh, và Pháp là nước hưởng lợi chủ yếu. Vào thế kỷ 19, trình độ công nghiệp tạo cơ sở giúp Anh, và sau đó là Đức chiếm thế thống trị. Đến thế kỷ 21, khoa học và đặc biệt là vật lý hạt nhân đóng góp vào công cuộc tạo ra nguồn sức mạnh chính yếu của Mỹ và Liên Xô. Trong thế kỷ tiếp theo, công nghệ thông tin được nhận định là nguồn sức mạnh quan trọng nhất.

### **Nhỏ đôi đầu với lớn**

Một nhận thức phổ biến mới đó là cách mạng thông tin có tác dụng san đều. Bởi vì nó làm giảm chi phí, lợi thế do quy mô lớn, cũng như rào cản khi gia nhập thị trường, nên nó làm giảm quyền lực của các nước lớn và tăng cường sức mạnh cho các nước nhỏ và các tổ chức phi nhà nước. Tuy nhiên, thực tế thì các mối quan hệ quốc tế phức tạp hơn nhiều so với trường phái xem công nghệ là yếu tố quyết định mà quan điểm này đưa ra. Một số khía cạnh của cách mạng thông tin giúp đỡ các nước nhỏ, nhưng một số khác lại giúp các nước vốn đã lớn và mạnh. Ở đây, có vài nguyên do.

Trước hết, các rào cản quan trọng khi gia nhập và lợi thế quy mô vẫn tồn tại trong một số khía cạnh liên quan đến thông tin của quyền lực. Ví như, quyền lực mềm bị ảnh hưởng sâu sắc bởi nội dung văn hóa của điện ảnh và các chương trình truyền hình. Các ngành công nghiệp giải trí lớn có uy tín thường được hưởng lợi thế quy mô đáng kể trong sản xuất và phân phối nội dung. Vì vậy mà có lẽ thị phần điện ảnh và truyền hình vốn đã áp đảo trên thị trường thế giới của Mỹ sẽ còn tiếp tục.

Thứ hai, thậm chí ở cả những nơi mà việc phổ biến thông tin đã có sẵn tốn ít chi phí thì cũng vẫn thường đòi hỏi đầu tư tốn kém để thu thập và tạo ra thông tin mới. Trong nhiều trường hợp cạnh tranh, chi phí của thông tin mới cao hơn nhiều so với mức chi phí trung bình của tất cả thông tin. Thông tin tình báo là một ví dụ hay. Các nước như Mỹ, Anh, và Pháp có khả năng tập hợp tin tình báo lớn hơn nhiều so với các nước khác. Trong nhiều tình huống thương mại, một nước đi sau

tiến bộ có thể làm tốt hơn nước đi đầu, nhưng về mặt quyền lực thì nước đi đầu thường vẫn nắm phần hơn.

Thứ ba, thường những nước đi đầu sẽ đặt ra tiêu chuẩn và cấu trúc hệ thống thông tin. Việc sử dụng tiếng Anh và các tên miền cấp cao trên Internet là trường hợp điển hình. Một phần vì sự chuyển hóa của nền kinh tế Mỹ vào những năm 1980 và một phần vì các khoản đầu tư lớn được đẩy mạnh do cuộc chạy đua quân sự trong Chiến tranh Lạnh mà nước Mỹ thường đứng đầu trên mảng này và trong việc ứng dụng hàng loạt công nghệ thông tin khác nhau.

Thứ tư, sức mạnh quân sự vẫn đóng vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực của quan hệ quốc tế. Công nghệ thông tin có một số tác động đến việc sử dụng vũ lực có lợi cho nước nhỏ nhưng một số khác lại ủng hộ nước mạnh. Sự sẵn sàng cung cấp về thương mại của những thứ đã từng là công nghệ quân sự đắt đỏ tạo ra lợi ích cho những nước nhỏ và các tổ chức phi nhà nước và làm tăng khả năng tổn thương cho các nước lớn. Các hệ thống thông tin bổ sung thêm các mục tiêu béo bở cho các nhóm khủng bố. Tuy nhiên, các xu hướng khác càng làm mạnh thêm các nhóm vốn đã hùng mạnh. Nhiều chuyên gia phân tích quân sự đang ám chỉ tới một "cuộc cách mạng quân sự" nhờ ứng dụng công nghệ thông tin. Những bộ cảm biến đặt trong không gian, truyền phát trực tiếp, máy tính tốc độ cao và phần mềm phức tạp cung cấp khả năng tập hợp, phân loại, xử lý, truyền và phổ biến thông tin về những sự kiện phức tạp trên một phạm vi địa lý rộng lớn. Việc nắm vững không gian chiến trường kết hợp với lực lượng chính xác tạo ra một lợi thế mạnh mẽ. Như trong Chiến tranh Vùng vịnh, những đánh giá truyền thống về tương quan các hệ thống vũ khí như xe tăng hay máy bay sẽ vô nghĩa nếu không bao gồm khả năng tích hợp thông tin vào những vũ khí đó. Nhiều công nghệ phù hợp được bán sẵn trên thị trường thương mại, và các nước yếu thế hơn có thể sở hữu được những công nghệ này. Tuy nhiên, chìa khóa không nằm ở việc sở hữu phần cứng phức tạp hay các hệ thống hiện đại mà là khả năng tích hợp nên một hệ thống gồm nhiều tiểu hệ thống. Theo chiều hướng này thì nước Mỹ có lẽ đang giữ vị trí đi đầu. Trong chiến tranh thông tin, một ưu thế vượt trội nhỏ có thể tạo nên sự khác biệt. Trái với dự đoán của nhiều lý thuyết gia, cách mạng thông tin không hề phân tán hay san bằng quyền lực giữa các quốc gia. Nếu có chẳng, nó chỉ có tác động ngược.

## **Chính trị của sự khả tín**

Về việc giảm nhẹ vai trò của chính phủ và quyền lực của mọi nhà nước thì sao? Những thay đổi trong phương diện này có vẻ đi theo đúng hướng dự đoán của các



nhà theo trường phái hiện đại. Nhưng để hiểu được tác động của thông tin tự do lên quyền lực, trước hết cần phải hiểu nghịch lý của sự dồi dào. Thông tin tràn ngập sẽ làm giảm sự chú ý. Sự chú ý trở thành nguồn hiếm, và chỉ những người có thể phân biệt những dấu hiệu có giá trị trong mớ âm thanh ồn ào mới đạt được quyền lực. Người biên tập, chọn lọc, phiên dịch và tư vấn thông tin ngày càng trở nên cần thiết và đây chính là một nguồn của quyền lực. Sẽ có một thị trường không hoàn hảo cho những người thẩm định. Thương hiệu và một con tem bảo chứng quốc tế sẽ trở nên quan trọng hơn.

Nhưng quyền lực không nhất thiết phải thuộc về người nào có thể nắm giữ thông tin. Thông tin cá nhân nhiều khi có thể phá hỏng độ tin cậy của chủ nhân thông tin đó. Lấy ví dụ, các chuyên gia kinh tế chứng minh rằng những người bán xe ô tô đã qua sử dụng biết được các hỏng hóc của xe hơn các khách hàng tiềm năng. Hơn nữa, chủ nhân của những chiếc xe tồi có xu hướng muốn bán xe nhiều hơn là những người có xe tốt. Vì vậy mà các khách hàng tiềm năng sẽ mặc cả xuống thấp hơn giá mà họ sẵn sàng chi trả để sửa chữa những hỏng hóc chưa được biết. Do đó, thông tin tốt hơn mà người bán đưa ra không giúp họ bán được giá cao hơn giá trung bình mà họ nhận được, thậm chí khiến họ không bán được những chiếc xe cũ còn tốt đúng với giá trị thực của chúng. Không giống với sự tương thuộc bất cân xứng trong thương mại khi mà quyền lực rơi vào bên có đủ khả năng duy trì hoặc phá vỡ thỏa thuận thương mại, sức mạnh thông tin sẽ thuộc về người có thể chỉnh sửa và hợp thức hóa thông tin một cách đáng tin cậy để phân loại cái gì vừa đúng lại vừa quan trọng.

Vì vậy, đối với người biên tập và tư vấn, sự khả tín chính là nguồn lực thiết yếu, và tính tin cậy bất cân xứng là một nguồn cốt lõi của quyền lực. Gây dựng lòng tin tức là nâng cao danh tiếng trong việc cung cấp thông tin đúng, thậm chí ngay cả khi nó gây ảnh hưởng xấu tới quốc gia của người cung cấp thông tin. Chẳng hạn như, đài BBC đã gây được tiếng vang về độ tin cậy song các đài phát thanh thuộc quản lý của nhà nước như Baghdad, Bắc Kinh và Havana không làm được. Danh tiếng luôn được đề cao trong giới chính trị, và ngày càng quan trọng vì tính nghịch lý của sự dồi dào. Chi phí truyền dữ liệu thấp có nghĩa rằng khả năng truyền tải không còn quan trọng như xưa, nhưng khả năng chắt lọc thông tin lại quan trọng hơn rất nhiều. Các cuộc tranh đấu chính trị chú trọng vào việc kiểm soát khả năng truyền thông tin ít hơn so với việc gây dựng và phá hủy niềm tin.

Có ba loại hành động của nhà nước minh chứng cho giá trị của sự khả tín. Chính sách ngoại giao tiến hành theo cách truyền thống diễn ra thông qua trao đổi giao ước, điều này chỉ có giá trị chừng nào nó đáng tin. Cho nên, các chính phủ có

khả năng cam đoan với các đối tác tiềm năng rằng họ sẽ không hoạt động một cách cơ hội sẽ chiếm lợi thế hơn so với các đối thủ không đáng tin bằng. Ví dụ, trong Chiến tranh Lạnh, so với Liên Xô thì Mỹ là một đồng minh đáng tin hơn đối với các nước Tây Âu vì một nước dân chủ như Mỹ sẽ làm tốt hơn trong việc giữ lời hứa không tìm cách khai thác hoặc chi phối các nước đồng minh. Thứ hai, để có thể vay mượn với lãi suất cạnh tranh từ thị trường vốn đòi hỏi phải có thông tin xác đáng về tình hình tài chính người đi vay. Cuối cùng, việc thi hành quyền lực mềm yêu cầu phải có độ tin cậy để có thể thuyết phục. Ví dụ, hễ khi nào nước Mỹ còn chưa dứt nạn phân biệt chủng tộc thì sẽ chưa thể trở thành người bên vực nhân quyền đáng tin cậy trên toàn cầu. Nhưng vào tháng 6/1998, Tổng thống Clinton có thể thuyết giảng về nhân quyền cho Trung Quốc – và khi trả lời phỏng vấn ở Đại học Bắc Kinh về những thiếu sót của Mỹ, ông cũng thẳng thắn thừa nhận rằng nước Mỹ cần nỗ lực hơn nữa để thực hiện lý tưởng về sự bình đẳng.

Tác động của nguồn thông tin tự do phong phú và vai trò của sự khả tín nằm ở chỗ quyền lực mềm có thể ngày càng không phải là kết quả của các nguồn lực vật chất. Quyền lực cứng có thể cần thiết - lấy ví dụ, đối với việc cưỡng chế để tiếp quản đài phát thanh – để tạo ra quyền lực mềm. Tuyên truyền trong vai trò một hình thức của thông tin tự do không phải là điều mới mẻ. Cách này được Hitler và Stalin áp dụng hiệu quả vào những năm 1930. Quyền kiểm soát của Slobodan Milošević đối với truyền hình có tính quyết định đối với quyền lực của ông ở Serbia. Trận chiến quyền lực xảy ra tại đài truyền hình ở Moscow năm 1993. Các đài phát thanh của người Hutu đã khuyến khích nạn diệt chủng ở Rwanda. Sức mạnh của tin tức phát thanh, truyền hình vẫn tiếp tục và sẽ càng tăng cường nhờ Internet với nhiều kênh truyền thông được kiểm soát bởi nhiều chủ thể vốn không thể khống chế nhau bằng vũ lực. Vấn đề không phải là ai sở hữu mạng lưới truyền hình, trạm phát thanh, hay các trang web – một khi những nguồn này quá thừa thãi – mà là ai quan tâm đến nguồn tin đúng và nguồn tin sai.

Trong lĩnh vực truyền hình thế giới, sự giàu có có thể mang đến quyền lực mềm. Ví dụ, đài CNN có trụ sở tại Atlanta thay vì Amman hay Cairo vì vị thế dẫn đầu của Mỹ trong ngành công nghiệp và công nghệ. Khi Iraq xâm chiếm Kuwait, thực tế rằng CNN là một công ty của Mỹ đã giúp cho việc miêu tả trên toàn thế giới hành động đó như là một sự xâm lược. Giả sử một công ty Ả Rập thống trị kênh truyền hình thế giới thì có lẽ sự kiện này sẽ được miêu tả thành nỗ lực chính đáng nhằm rửa nỗi nhục của một nước thuộc địa.

Phát thanh truyền hình là một dạng thông tin tự do từ lâu rất có ảnh hưởng đối với dư luận. Bằng việc tập trung vào các cuộc xung đột và các vấn đề nhân

quyền nhất định, các đài phát thanh truyền hình đã thuyết phục các chính trị gia phản ứng với những xung đột ở nước này mà không phải nước khác - chẳng hạn như Somalia mà không phải Nam Sudan. Thật không ngạc nhiên khi các chính phủ vẫn đang tìm cách thao túng các đài truyền hình và đài phát thanh, và nhờ vậy gặt hái được thành công đáng kể, bởi vì chỉ một số tương đối nhỏ đài phát thanh truyền hình có thể mang cùng một nội dung tin tức tới nhiều người. Tuy nhiên, sự chuyển đổi từ kênh quảng bá thông tin diện rộng (broadcasting) sang kênh thông tin diện hẹp (narrowcasting) có tác động chính trị trọng yếu. Truyền hình cáp và Internet giúp người ta có thể đưa tin tới các nhóm phân khúc đối tượng và khán giả mục tiêu. Thậm chí còn mang tầm chính trị quan trọng hơn, Internet không chỉ gây chú ý mà còn giúp cho hoạt động hợp tác xuyên quốc gia. Tương tác với chi phí thấp cho phép phát triển cộng đồng ảo mới: mọi người có thể tự xem mình là một phần của một nhóm cụ thể bất chấp khoảng cách vật lý của họ so với người khác.

Những công nghệ này tạo cơ hội cho các tổ chức phi chính phủ. Tác động tiềm năng của mạng lưới những người ủng hộ được mở rộng nhanh chóng nhờ cách mạng thông tin, vì máy fax và Internet cho phép họ truyền tải các thông điệp từ những khu rừng nhiệt đới ở Brazil hay những xưởng lao động bóc lột nhân công ở Đông Nam Á. Hội nghị về mìn sát thương gần đây là kết quả hoạt động của một liên minh các tổ chức mạng lưới liên kết với chính phủ các cường quốc hạng trung như Canada, các chính trị gia độc lập như Thượng nghị sĩ Patrick Leahy (Đảng Dân chủ - bang Vermont), và những nhân vật nổi tiếng như công nương Diana để thu hút sự quan tâm, thiết lập chương trình nghị sự và gây áp lực lên các nhà lãnh đạo chính trị. Các tổ chức phi chính phủ cũng đóng vai trò làm kênh thông tin quan trọng thông qua các phái đoàn đại biểu trong Hội nghị về hiện tượng nóng lên toàn cầu ở Kyoto vào tháng 12/1997. Các nhóm hoạt động môi trường và công nghiệp cạnh tranh nhau ở Kyoto để thu hút sự quan tâm của giới truyền thông từ các nước quan trọng, đưa ra các lập luận dựa một phần trên những kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học phi chính phủ.

Mạng lưới người ủng hộ và cộng đồng ảo có vô vàn cơ hội nở rộ nhưng độ tin cậy của họ lại mờ nhạt. Ví dụ, tổ chức Greenpeace gây nhiều phí tổn cho hãng Royal Dutch Shell bằng việc chỉ trích việc loại bỏ dàn khoan Brentspar theo kế hoạch của hãng này trên Biển Bắc, nhưng chính Greenpeace lại đánh mất sự tín nhiệm khi sau đó phải thừa nhận một vài tuyên bố của họ là thiếu chuẩn xác. Những khám phá của các nhà khoa học khí quyển về biến đổi khí hậu chiếm được lòng tin, không chỉ từ uy tín của khoa học mà còn từ những thủ tục được phát triển bởi Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC) dành cho quy trình thẩm định bao quát và cẩn thận các bài báo khoa học, cũng như sự rà soát liên chính phủ về

các thông tin tổng hợp của các chính phủ. IPCC là một minh họa cho thể chế hợp pháp hóa thông tin với chức năng là tạo ra sự gắn kết và tin cậy cho hàng loạt các thông tin khoa học về biến đổi khí hậu.

Như ví dụ về IPCC đã chỉ ra, ý nghĩa của sự khả tín là giúp nâng tầm quan trọng của mạng lưới các chuyên gia có cùng tư tưởng xuyên quốc gia. Bằng cách định hình các vấn đề mà ở đó kiến thức được đề cao, những cộng đồng chuyên nghiệp này trở thành những nhân tố quan trọng trong việc thành lập liên minh và trong quá trình thỏa thuận. Bằng việc tạo ra kiến thức, họ tạo ra nền tảng cho hợp tác hiệu quả. Nhưng để đạt hiệu quả, các quy trình tạo ra thông tin phải không thiên vị. Thông tin khoa học ngày càng được công nhận là phần nào được kiến tạo thông qua tương tác xã hội. Để được tin cậy, thông tin phải được tạo ra thông qua quá trình phù hợp với các chuẩn mực chuyên nghiệp và đặc trưng bởi tính minh bạch và tính công bằng theo quy chuẩn.

### **Lợi thế của nền dân chủ**

Không phải tất cả các nước dân chủ đều dẫn đầu trong cuộc cách mạng thông tin, nhưng đa phần là thế. Đây không phải là chuyện ngẫu nhiên. Xã hội dân chủ là nơi tự do trao đổi thông tin, song các thể chế quản trị của các quốc gia này không vì thế mà bị đe dọa. Các tổ chức này có thể định hình thông tin, bởi lẽ họ cũng có khả năng thu nạp chúng. Các quốc gia độc tài, đặc biệt là những nước đang tụt hậu, gặp phải nhiều rắc rối hơn. Chính quyền các nước như Trung Quốc có thể vẫn hạn chế công dân nước mình truy cập Internet bằng cách kiểm soát các nhà cung cấp dịch vụ và giám sát một lượng người dùng vẫn còn tương đối nhỏ. Cho đến giờ, Singapore có khả năng hài hòa giữa kiểm soát chính trị với vai trò ngày càng tăng của Internet. Tuy nhiên, ở xã hội như Singapore, khi đã phát triển tới trình độ cao hơn nơi mà người dân muốn ít bị hạn chế truy cập vào Internet hơn, thì Singapore sẽ hứng chịu nguy cơ mất đi (lòng tin của) người dân, vốn là nguồn lực chính để cạnh tranh trong nền kinh tế thông tin. Vì vậy, nước này đang phải vật lộn để tái thiết lập lại hệ thống giáo dục nhằm khuyến khích tính sáng tạo của mỗi cá nhân theo nhu cầu của nền kinh tế thông tin, đồng thời duy trì kiểm soát xã hội đối với luồng chảy thông tin.

Một nguyên do khác khiến các hệ thống khép kín trở nên tốn kém hơn là do việc đầu tư vào các quốc gia nơi các quyết định quan trọng được thực hiện một cách không rõ ràng sẽ rủi ro đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Tính minh bạch đang dần trở thành một yếu tố chính để các quốc gia tìm kiếm đầu tư. Khả năng thu thập và che dấu thông tin, một yếu tố từng rất có giá trị đối với các quốc gia

độc tài, lại làm suy yếu dần sự khả tín và tính minh bạch cần thiết để thu hút vốn đầu tư dựa trên các điều kiện cạnh tranh toàn cầu. Các cộng đồng địa lý vẫn quan trọng nhất, nhưng các chính quyền muốn đẩy nhanh phát triển sẽ phải gỡ bỏ một số hàng rào đối với các luồng thông tin đã giúp các quan chức tránh khỏi sự giám sát từ bên ngoài. Các chính quyền muốn phát triển lên trình độ cao sẽ không còn khả năng có được sự xa xỉ của việc giữ bí mật về tình hình tài chính và chính trị của mình nữa.

Theo quan điểm kinh doanh, cách mạng thông tin đã và đang thúc đẩy mạnh mẽ khả năng tiêu thụ và giá trị của thông tin thương mại bằng cách giảm chi phí truyền phát và giao dịch cho người sử dụng thông tin. Nếu là Adam Smith thì ông sẽ thừa nhận rằng giá trị thông tin tăng lên khi chi phí truyền phát thông tin giảm xuống, cũng giống như giá trị hàng hóa tăng khi chi phí vận chuyển giảm, làm tăng nhu cầu lên bằng cách cung cấp cho các nhà sản xuất một thị trường rộng mở hơn. Tuy nhiên, trên phương diện chính trị, bước chuyển dịch quan trọng nhất lại liên quan đến nguồn thông tin miễn phí. Khả năng phổ biến nguồn thông tin này làm tăng tính thuyết phục trong các hoạt động chính trị thế giới. Các tổ chức phi chính phủ và các quốc gia có thể dễ dàng tác động hơn tới lòng tin của người dân thuộc các khu vực khác nằm ngoài thẩm quyền của mình. Nếu một chủ thể có thể thuyết phục những người khác chấp nhận các tiêu chuẩn giá trị và chính sách tương tự, thì việc có quyền lực cứng và sở hữu nguồn thông tin chiến lược hay không cũng có thể không quan trọng như trước. Nếu thuyết phục được một cách thích đáng, quyền lực mềm và thông tin miễn phí có thể thay đổi nhận thức về lợi ích tự thân và từ đó làm thay đổi cách thức quyền lực cứng và thông tin chiến lược được sử dụng. Nếu chính quyền các nước hoặc các tổ chức phi chính phủ muốn tận dụng được lợi thế của cách mạng thông tin, họ phải tạo được danh tiếng về sự khả tín giữa những tín hiệu nhiễu của cuộc cách mạng thông tin.

Các luồng tin giá rẻ làm tăng đáng kể số lượng và chất lượng các kênh liên lạc xuyên quốc gia. Các thành viên phi chính phủ có nhiều cơ hội để tổ chức và tuyên truyền tư tưởng của bản thân hơn. Các quốc gia cũng dễ bị nhìn thấu hơn và ít giống các hộp đen hơn. Do đó, các nhà lãnh đạo chính trị sẽ thấy khó khăn hơn khi duy trì trình tự gắn kết các vấn đề chính sách đối ngoại. Tuy nhiên, các quốc gia vẫn bền bỉ, và một vài quốc gia, đặc biệt là các quốc gia lớn dân chủ, đã được tổ chức tốt để có thể hưởng lợi từ một xã hội thông tin. Mặc dù sự gắn kết giữa các chính sách chính phủ có thể bị mài mòn tại các quốc gia đa nguyên và cởi mở, nhưng thể chế của các nước này lại rất hấp dẫn và các tuyên bố của họ cũng đáng tin cậy. Vì thế, các nước này sẽ có thể thi hành quyền lực mềm để đạt nhiều mục tiêu của mình. Tương lai không chỉ thuộc về các quốc gia hay mối quan hệ đa quốc gia: các quốc gia xác định theo khu vực địa lý sẽ tiếp tục thiết lập cấu trúc chính trị

trong kỷ nguyên thông tin, tuy nhiên các nước này lại ít phụ thuộc hơn vào các nguồn lực vật chất mà phụ thuộc nhiều hơn vào khả năng duy trì sự khả tín đối với công chúng vốn được tiếp cận các nguồn thông tin ngày càng phong phú.

---

## **GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET**

---

### **Mục đích**

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### **Lý do ra đời**

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### **Hoạt động chính**

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế. Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com)